ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 103 /2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm; quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về một số chính sách quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm và phát triển công trình ngầm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 36279/TTr-SXD-QLĐS ngày 09 tháng 10 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 12733/BC-STP ngày 30 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định về biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm; quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm; quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và đặc khu; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND/TP;
- UB. MTTQVN/TP và các Đoàn thể CT-XH/TP;
- VP ĐĐBQH và HĐND/TP;
- VKSND/TP; TAND/TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP; các Phòng CV,
- Các Báo, Đài/TP;
- Trung tâm Thông tin điện tử TP;
- Sở Xây dựng; Sở Tài chính;
- Sở Quy hoạch - Kiến trúc;
- Sở Tư pháp (P.VBPQ, P.KTVB);
- UBND các phường, xã và đặc khu Côn Đảo;
- Lưu: VT, (ĐT-MTu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nguyên Dinh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm; quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..103../2026/QĐ-UBND ngày .20.. tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm; quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 4 Điều 11 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16.

2. Quy định này không áp dụng đối với đất, công trình, tài sản, hạ tầng và dữ liệu do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý. Việc phối hợp quản lý nhà nước đối với các nội dung có liên quan được thực hiện theo pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức được giao quản lý tài sản, công trình, kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng, sở hữu, quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Kết nối công trình ngầm là việc tạo lập liên kết về không gian, kết cấu, kỹ thuật hoặc công năng giữa hai hoặc nhiều công trình ngầm; giữa công trình ngầm với công trình trên mặt đất, nhà ga, đề-pô, công trình giao thông, công trình công cộng hoặc kết cấu hạ tầng khác.

2. Hạ tầng dùng chung là công trình, bộ phận công trình hoặc hệ thống kỹ thuật trong không gian ngầm được thiết kế, đầu tư hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác định để phục vụ chung nhu cầu về hạ tầng của từ hai tổ chức, cá nhân trở lên, bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông và hạ tầng khác.

3. Phương tiện hoạt động trong không gian ngầm là phương tiện, thiết bị di chuyển hoặc vận chuyển người, hàng hóa; phương tiện kiểm tra, bảo trì, cứu nạn,

cứu hộ và phương tiện chuyên dùng khác được phép hoạt động trong công trình ngầm theo công năng, thiết kế, quy trình vận hành và pháp luật chuyên ngành.

4. Công trình ngầm lưỡng dụng là công trình ngầm được đầu tư, quản lý, khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và được thiết kế, xây dựng để có thể chuyển đổi công năng hoặc huy động phục vụ quốc phòng, an ninh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Công trình ngầm do Nhà nước quản lý là công trình ngầm thuộc tài sản công được cơ quan có thẩm quyền giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành và công trình ngầm do tổ chức, cá nhân đầu tư đã được chuyển giao cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Phát triển đô thị, Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND và pháp luật có liên quan; bảo đảm thống nhất giữa không gian trên mặt đất và không gian ngầm.

2. Việc quản lý không gian ngầm được thực hiện theo không gian ba chiều; việc quản lý công trình, hạ tầng, công nghệ, phương tiện được thực hiện theo vòng đời. Trách nhiệm quản lý nhà nước được phân định theo ngành, lĩnh vực, địa bàn và phân cấp quản lý; trách nhiệm của chủ sở hữu, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác công trình ngầm được xác định cụ thể. Việc quản lý phải bao quát phần không gian ngầm đã khai thác, đang khai thác và chưa khai thác; bảo đảm khả năng kết nối, sử dụng đồng bộ và bảo vệ phần không gian dành cho phát triển công trình, hạ tầng theo quy hoạch. Mỗi công trình ngầm được giao cho một cơ quan chủ trì quản lý nhà nước theo danh mục quản lý công trình ngầm.

3. Dữ liệu về công trình ngầm phải được kết nối, chia sẻ và sử dụng phục vụ quản lý nhà nước. Không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được kết nối và có thể khai thác theo thẩm quyền. Việc kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin, an ninh mạng và quyền tiếp cận thông tin.

4. Việc quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm phải ưu tiên phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng thủ dân sự, tìm kiếm, cứu nạn và ứng phó tình huống khẩn cấp khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có hiệu lực tại thời điểm áp dụng. Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định ban hành Quy định này khi có nội dung không còn phù hợp với pháp luật hoặc phát sinh bất cập trong quá trình thực hiện.

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM

Điều 5. Phân loại và xác định phạm vi, ranh giới công trình ngầm

1. Theo hình thức xây dựng, công trình ngầm gồm công trình ngầm độc lập và phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất.

2. Theo công năng sử dụng, công trình ngầm được phân thành các nhóm sau đây:

a) Công trình giao thông ngầm;

b) Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm;

c) Công trình dân dụng ngầm, bao gồm công trình nhà ở và công trình công cộng phục vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại, dịch vụ và các công năng dân dụng khác theo pháp luật về xây dựng;

d) Công trình ngầm phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng thủ dân sự; công trình ngầm chuyên ngành, công trình ngầm có chế độ quản lý đặc thù và công trình ngầm khác theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi, ranh giới công trình ngầm được xác định trong không gian ba chiều, bao gồm vị trí, ranh giới trên mặt bằng và giới hạn theo chiều đứng được thể hiện bằng cao độ, độ sâu. Việc xác định phạm vi, ranh giới công trình ngầm căn cứ vào quy hoạch, hồ sơ dự án, thiết kế xây dựng, hồ sơ hoàn công, giấy phép xây dựng và hồ sơ, văn bản pháp lý khác có nội dung xác định vị trí, phạm vi, ranh giới công trình.

Điều 6. Phân cấp và phối hợp quản lý công trình ngầm

1. Việc quản lý công trình ngầm bao gồm:

a) Quản lý nhà nước đối với công trình ngầm do cơ quan nhà nước thực hiện theo ngành, lĩnh vực và địa bàn;

b) Trực tiếp quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình ngầm do chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình ngầm thực hiện.

2. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố nội dung quản lý nhà nước về không gian ngầm trên địa bàn Thành phố.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với công trình ngầm thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Đối với công trình ngầm có nhiều công năng, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng với công năng chính của công trình chủ trì thực hiện quản lý nhà nước đối với công trình.

4. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực đối với các công trình ngầm sau đây:

a) Công trình ngầm chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật, an toàn hoặc vận hành phức tạp; công trình ngầm có tính chất hệ thống, mạng lưới, liên thông, sử dụng

chung; công trình đầu mối hạ tầng ngầm cần được quản lý thống nhất ở cấp Thành phố;

b) Công trình ngầm có phạm vi xây dựng thuộc địa bàn từ hai xã, phường, đặc khu trở lên;

c) Công trình ngầm thuộc trách nhiệm quản lý của cấp Thành phố theo pháp luật chuyên ngành hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ quy mô, tính chất, yêu cầu kỹ thuật, an toàn và vận hành để xác định công trình ngầm thuộc khoản 4 Điều này theo ngành, lĩnh vực được giao quản lý; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng lập danh mục quản lý công trình ngầm. Danh mục gồm công trình do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý và công trình phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng quản lý tại từng địa phương, khu chức năng; xác định cơ quan chủ trì quản lý nhà nước đối với từng công trình. Việc phân cấp phải phù hợp với trình độ, năng lực chuyên môn và điều kiện thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được phân cấp. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định ban hành danh mục theo ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện quản lý nhà nước đối với công trình ngầm được phân cấp theo danh mục quản lý công trình ngầm và thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

7. Ban quản lý khu công nghệ cao, Ban Quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp và cơ quan hành chính được giao quản lý khu chức năng khác (sau đây gọi là cơ quan quản lý khu chức năng) thực hiện quản lý nhà nước đối với công trình ngầm được phân cấp theo danh mục quản lý công trình ngầm và thuộc phạm vi khu chức năng được giao quản lý.

8. Cơ quan được giao quản lý nhà nước đối với công trình ngầm chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện toàn diện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với công trình theo phân cấp; giải quyết các thủ tục hành chính quy định tại Quy định này; tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Khi cần thiết, cơ quan chủ trì đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện.

9. Trách nhiệm quản lý tài sản và trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác công trình ngầm được quy định như sau:

a) Đối với công trình ngầm do Nhà nước quản lý, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo vệ tài sản; tổ chức vận hành, khai thác, bảo trì, bảo đảm an toàn, cập nhật dữ liệu và xử lý sự cố công trình theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về xây dựng và pháp luật chuyên ngành;

b) Đối với công trình ngầm không thuộc tài sản công, chủ sở hữu có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo vệ tài sản; tổ chức vận hành, khai thác, bảo trì, bảo

đảm an toàn, cập nhật dữ liệu và xử lý sự cố công trình theo pháp luật về xây dựng và pháp luật chuyên ngành.

10. Việc phân cấp quản lý quy định tại Điều này không làm thay đổi thẩm quyền về đất đai, đầu tư, xây dựng, tài sản công, xử lý vi phạm hành chính và thẩm quyền chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật.

11. Danh mục quản lý công trình ngầm bao gồm các thông tin chính sau: tên công trình, loại công trình, mã công trình, chủ sở hữu, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác, cơ quan quản lý nhà nước đối với công trình, vị trí, công năng, diện tích, cao độ và độ sâu của công trình, tình trạng xây dựng, khai thác, sử dụng, thời điểm đưa vào khai thác, thời hạn sử dụng.

12. Sở Xây dựng hướng dẫn thống nhất mẫu danh mục quản lý công trình ngầm. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập và cập nhật danh mục theo khoản 5 Điều này, gửi Sở Xây dựng tổng hợp, theo dõi, cập nhật cơ sở dữ liệu về không gian ngầm của Thành phố. Việc công bố và cập nhật danh mục thực hiện theo khoản 4 Điều 23 Quy định này. Thông tin thuộc bí mật nhà nước được quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Bảo vệ công trình, hạ tầng hiện hữu và tài nguyên trong quá trình đầu tư xây dựng công trình ngầm

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình ngầm phải khảo sát, xác định công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tài nguyên nước, nguồn nước dưới đất, điều kiện địa chất, địa kỹ thuật, thủy văn và đối tượng có khả năng chịu tác động; đánh giá ảnh hưởng và lập phương án bảo vệ, quan trắc, gia cường, di dời, hoàn trả hoặc xử lý công trình, hạ tầng, tài nguyên bị ảnh hưởng theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư phải xác định các đối tượng có khả năng chịu tác động trên mặt đất và dưới mặt đất, bao gồm cả đất, công trình, hạ tầng phục vụ quốc phòng, an ninh; di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và công trình kiến trúc có giá trị. Việc đánh giá ảnh hưởng và lập phương án bảo vệ phải xem xét nguy cơ sụt lún, rung, thấm, ngập đối với công trình, hạ tầng và khu vực chịu tác động, kể cả ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

2. Chủ đầu tư lấy ý kiến cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật có khả năng chịu tác động về các nội dung: dữ liệu hiện trạng, phạm vi bảo vệ, giải pháp kỹ thuật, điều kiện thi công, quan trắc, biện pháp phòng ngừa lún, rung, thấm, ngập, phối hợp vận hành và xử lý sự cố. Việc lấy ý kiến được thực hiện trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng hoặc thủ tục chuyên ngành, không làm phát sinh thủ tục hành chính riêng và không thay thế việc thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế hoặc cấp phép theo quy định của pháp luật.

Trường hợp phải di dời hạ tầng kỹ thuật, chủ đầu tư phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành hạ tầng và đơn vị thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, nếu có, để xác định phạm vi ảnh hưởng và nhu cầu di dời. Việc cung cấp, khai thác thông tin về công trình, hạ tầng

phục vụ quốc phòng, an ninh phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật chuyên ngành.

3. Trường hợp việc đầu tư xây dựng công trình ngầm, kể cả các hạng mục phụ trợ trên mặt đất, có khả năng ảnh hưởng đến công trình quốc phòng, khu quân sự, công trình an ninh hoặc việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thì phải tuân thủ pháp luật về quốc phòng, an ninh, phòng không nhân dân và pháp luật có liên quan. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án thực hiện việc lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền về quốc phòng, an ninh theo khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND.

4. Việc bảo vệ tài nguyên nước, nguồn nước dưới đất và quản lý, sử dụng, vận chuyển, xử lý đất, đá, khoáng sản phát sinh trong quá trình khảo sát, thi công được thực hiện theo pháp luật về tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Thủ tục kết nối công trình ngầm

1. Việc kết nối công trình ngầm phải phù hợp với quy hoạch, công năng và thiết kế được phê duyệt của các công trình có liên quan; bảo đảm an toàn kết cấu, phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ, chống ngập, an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường và khả năng vận hành, bảo trì liên tục của từng công trình.

2. Trước khi thực hiện thủ tục chấp thuận kết nối công trình ngầm, chủ đầu tư công trình đề xuất kết nối phải thỏa thuận bằng văn bản với chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình tiếp nhận kết nối. Văn bản thỏa thuận phải xác định căn cứ xác lập quyền của các bên đối với công trình, tình trạng xây dựng, khai thác và khả năng tiếp nhận kết nối; thống nhất mục đích, vị trí kết nối, giải pháp kỹ thuật sơ bộ, ranh giới và phần tiếp giáp giữa các công trình; yêu cầu về khả năng chịu lực tại vị trí kết nối; thời gian thi công, chế độ vận hành, chi phí đầu tư, vận hành, bảo trì; quyền ra, vào công trình để kiểm tra, bảo trì, sửa chữa; trách nhiệm bảo đảm an toàn, xử lý sự cố trong quá trình thi công, khai thác, sử dụng và khôi phục hiện trạng công trình, hạ tầng bị ảnh hưởng sau thi công hoặc khi chấm dứt kết nối.

3. Thủ tục chấp thuận kết nối công trình ngầm được thực hiện khi tạo lập điểm kết nối mới hoặc thay đổi vị trí điểm kết nối hiện hữu. Trường hợp dự án công trình ngầm có nội dung kết nối đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trong dự án được phê duyệt thì không phải thực hiện thủ tục quy định tại Điều này.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ đến cơ quan giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi Thành phố. Cơ quan được giao quản lý nhà nước đối với công trình tiếp nhận kết nối theo Điều 6 Quy định này chủ trì giải quyết hồ sơ. Cơ quan chủ trì giải quyết và cơ quan có thẩm quyền chấp thuận kết nối được xác định như sau:

a) Đối với công trình tiếp nhận kết nối thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan chuyên môn chủ trì giải quyết, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chấp thuận kết nối;

b) Đối với công trình tiếp nhận kết nối được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì giải quyết và quyết định chấp thuận kết nối. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực xây dựng kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và tham mưu giải quyết;

c) Đối với công trình tiếp nhận kết nối được phân cấp cho cơ quan quản lý khu chức năng quản lý nhà nước, cơ quan quản lý khu chức năng chủ trì giải quyết và quyết định chấp thuận kết nối.

5. Thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận kết nối gồm 01 bộ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận kết nối theo Mẫu số I.01 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này;

b) Bản sao hoặc mã hồ sơ điện tử của một trong các văn bản xác định chủ thể và căn cứ đề xuất kết nối: quyết định đầu tư, văn bản chấp thuận dự án, giấy phép xây dựng, văn bản giao nhiệm vụ chủ đầu tư hoặc văn bản xác lập quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, khai thác công trình đề xuất kết nối;

c) Sơ đồ thể hiện vị trí các công trình và điểm kết nối dự kiến; thuyết minh mục đích, quy mô, công năng, giải pháp kỹ thuật sơ bộ, thời gian dự kiến thi công và phương án vận hành phần kết nối; giải pháp bảo đảm an toàn kết cấu, phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ, chống ngập và duy trì hoạt động của các công trình có liên quan;

d) Văn bản thỏa thuận kết nối theo khoản 2 Điều này.

Đối với tài liệu quy định tại điểm b khoản này, cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục khai thác thông tin, dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ và tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người đề nghị cung cấp lại tài liệu đã khai thác được. Trường hợp không khai thác được do sự cố, thảm họa hoặc thông tin chưa chính xác, chỉ yêu cầu bổ sung thông tin, giấy tờ cần thiết theo quy định. Ý kiến của chủ sở hữu, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình tiếp nhận kết nối và các cơ quan có liên quan do cơ quan giải quyết lấy trong quá trình xử lý hồ sơ; người đề nghị không phải nộp các ý kiến này, trừ văn bản thỏa thuận quy định tại điểm d khoản này.

6. Người đề nghị nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp hoặc qua dịch vụ bưu chính; thực hiện trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia kể từ thời điểm hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu và thủ tục được cung cấp trực tuyến. Người đề nghị đăng ký phương thức nhận kết quả trong văn bản đề nghị. Kết quả điện tử được ký số và trả qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm Phục vụ hành chính công kiểm tra hồ sơ, cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc hướng dẫn bổ sung hồ sơ một lần theo mẫu dùng chung của cơ chế một cửa. Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp được chuyển ngay trong ngày làm việc; hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ được chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo. Việc tiếp nhận, chuyển hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến thực hiện theo quy định về cơ chế một cửa;

b) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ do Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển đến, cơ quan giải quyết gửi hồ sơ lấy ý kiến chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình tiếp nhận kết nối, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình, cơ quan chuyên môn về quy hoạch và cơ quan chuyên môn khác có liên quan. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được lấy ý kiến trả lời trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nêu rõ việc thống nhất hoặc không thống nhất với đề xuất kết nối, lý do và yêu cầu về quy hoạch, kỹ thuật, an toàn, vận hành, bảo trì thuộc phạm vi quản lý.

Cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc việc trả lời. Việc chậm trả lời không được coi là đồng ý và không tự động kéo dài thời hạn giải quyết. Trường hợp quá thời hạn mà chưa có ý kiến, cơ quan chủ trì đề nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được lấy ý kiến chỉ đạo xử lý; việc giải quyết hồ sơ quá hạn thực hiện theo quy định về cơ chế một cửa.

c) Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn trả lời của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được lấy ý kiến, cơ quan giải quyết xem xét hồ sơ, giải pháp kỹ thuật sơ bộ về kết nối, văn bản thỏa thuận và các ý kiến đã nhận được. Trường hợp đề xuất kết nối đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này và được các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thống nhất, cơ quan giải quyết tham mưu cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này ban hành Văn bản chấp thuận kết nối theo Mẫu số I.02 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này; trường hợp không chấp thuận thì tham mưu ban hành văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Thời hạn này bao gồm thời gian trình, xem xét, ký và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công;

d) Trung tâm Phục vụ hành chính công trả kết quả theo phương thức người đề nghị đăng ký trong ngày nhận được kết quả hoặc ngày làm việc tiếp theo.

8. Thời hạn giải quyết không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi trả kết quả; bao gồm thời gian chuyển hồ sơ, lấy ý kiến, trình, ban hành và trả kết quả. Thời gian người đề nghị bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết. Cơ quan chủ trì giải quyết chịu trách nhiệm điều phối toàn bộ quy trình trong thời hạn này.

9. Kết quả giải quyết là Văn bản chấp thuận kết nối theo Mẫu số I.02 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này hoặc văn bản không chấp thuận, nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận kết nối xác định công trình đề xuất kết nối, công trình tiếp nhận kết nối, mục đích, vị trí, quy mô, công năng, yêu cầu kỹ thuật, an toàn, vận hành, trách nhiệm của các bên và thời hạn thực hiện; là cơ sở tham chiếu để hoàn thiện hồ sơ thiết kế và các thủ tục có liên quan của công trình kết nối.

10. Không thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục chấp thuận kết nối.

Điều 9. Quản lý vận hành, công nghệ và phương tiện hoạt động trong không gian ngầm

1. Chủ sở hữu công trình ngầm hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm:

a) Tổ chức vận hành, bảo trì, kiểm định, quan trắc, phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ, chống ngập, bảo đảm an toàn và duy trì hoạt động của công trình; ứng dụng công nghệ hiện đại để quan trắc, giám sát, cảnh báo tự động và khai thác dữ liệu phục vụ vận hành, bảo trì, xử lý sự cố, phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của công trình;

b) Bảo đảm công nghệ, hệ thống kỹ thuật và phương tiện sử dụng trong công trình ngầm phù hợp với công năng, thiết kế, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và quy trình vận hành; bảo đảm an toàn cho người, công trình và các công trình lân cận;

c) Tổ chức đánh giá ảnh hưởng và xác định biện pháp bảo đảm an toàn trước khi thay đổi công năng, cải tạo, mở rộng, ngừng hoặc chấm dứt khai thác, tháo dỡ công trình; thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ vận hành, bảo trì, bảo đảm an toàn và xử lý sự cố được giao; theo dõi việc sử dụng năng lượng, nước, tình trạng thông gió, chất lượng môi trường và hoạt động của hệ thống quan trắc, cảnh báo; sử dụng hiệu quả kết quả theo dõi, quan trắc, giám sát để điều chỉnh hoạt động vận hành, tiết kiệm tài nguyên và đáp ứng các chỉ tiêu tăng trưởng xanh, đô thị thông minh được cơ quan có thẩm quyền quy định áp dụng đối với công trình;

b) Duy trì hoạt động đồng bộ của các hệ thống kỹ thuật có liên kết trong công trình và giữa các công trình có kết nối; duy trì khả năng hoạt động của hệ thống, thiết bị dự phòng theo yêu cầu của thiết kế và quy trình vận hành; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với hệ thống thông tin, giám sát và điều khiển theo quy định của pháp luật;

c) Lập, cập nhật và lưu trữ danh mục công nghệ, thiết bị, phương tiện sử dụng trong công trình. Danh mục phải thể hiện tên, loại, số lượng, thông số kỹ thuật chính, chủ sở hữu, đơn vị sử dụng, phạm vi hoạt động và tình trạng kiểm định, bảo trì đối với thiết bị, phương tiện thuộc diện phải kiểm định, bảo trì. Cung cấp danh mục cho cơ quan có thẩm quyền khi kiểm tra, xử lý sự cố hoặc khi có yêu cầu;

d) Xác định khu vực, tuyến, thời gian và điều kiện hoạt động của phương tiện trong quy trình vận hành; kiểm soát phương tiện ra, vào và hoạt động trong công trình. Phương tiện phải đáp ứng giới hạn kích thước, tải trọng và yêu cầu an toàn của công trình. Không cho phép hoặc tạm dừng hoạt động của phương tiện không đáp ứng các yêu cầu này;

đ) Kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều này trước khi cho phép thiết bị, phương tiện hoạt động trong công trình;

e) Thực hiện các biện pháp bảo vệ người, tài sản và phần công trình còn lại; phối hợp với các đơn vị có liên quan để duy trì hoạt động của công trình kết nối, hệ thống dùng chung; tổ chức xử lý thiết bị, chất thải và khôi phục hiện trạng theo phương án được phê duyệt khi thực hiện các hoạt động quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Các đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành các công trình ngầm có kết nối với nhau hoặc cùng sử dụng hạ tầng dùng chung phải thống nhất, ban hành và thực hiện quy chế phối hợp vận hành. Quy chế phải quy định phạm vi, trách nhiệm vận hành, bảo trì của từng đơn vị; đầu mối liên lạc và việc trao đổi thông tin; trách nhiệm thông báo, phối hợp khi bảo trì, sửa chữa hoặc tạm dừng hoạt động có ảnh hưởng đến công trình khác; điều kiện ra, vào công trình để thực hiện các công việc này; đơn vị chủ trì phối hợp xử lý sự cố và trách nhiệm của từng đơn vị khi xử lý sự cố.

4. Chủ sở hữu hoặc đơn vị sử dụng thiết bị, phương tiện có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký, đăng kiểm, kiểm định, cấp phép và đáp ứng điều kiện hoạt động theo pháp luật chuyên ngành đối với thiết bị, phương tiện thuộc đối tượng áp dụng.

5. Đối với công trình ngầm lưỡng dụng:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập phương án chuyển đổi công năng hoặc huy động công trình phục vụ quốc phòng, an ninh trong giai đoạn lập dự án, thiết kế xây dựng. Chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm tổ chức cập nhật phương án khi có thay đổi về công trình, điều kiện vận hành hoặc yêu cầu phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Phương án phải xác định điều kiện chuyển đổi hoặc huy động, cơ quan có thẩm quyền quyết định, đơn vị tiếp nhận, trình tự thực hiện và trách nhiệm của các bên; biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ công trình, dữ liệu, duy trì hoạt động thiết yếu và khôi phục công năng dân sự. Việc lấy ý kiến thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Quy định này; việc xem xét, chấp thuận phương án được thực hiện trong quá trình thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng hoặc phương án quản lý, vận hành theo thẩm quyền;

c) Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện vận hành theo phương án được chấp thuận; thực hiện việc chuyển đổi, bàn giao, phối hợp vận hành và khôi phục công năng dân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Quản lý, khai thác và sử dụng công trình ngầm

1. Đối với công trình ngầm do Nhà nước quản lý:

a) Việc quản lý, khai thác và sử dụng thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Đối với công trình thuộc dự án đầu tư công hoặc dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, việc quản lý, khai thác và sử dụng phải tuân thủ pháp luật tương ứng;

b) Việc khai thác công trình ngầm công cộng, hạ tầng dùng chung phải duy trì công năng công cộng, bảo đảm quyền tiếp cận, sử dụng chung. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản lập, trình phê duyệt và thực hiện phương án khai thác theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành. Phương án phải xác định phạm vi, thời hạn khai thác, công năng công cộng cần duy trì, năng lực dự phòng, quyền tiếp cận, tiêu chuẩn dịch vụ, trách nhiệm bảo trì, cơ chế giám sát và phương án kết thúc khai thác.

2. Chủ sở hữu hoặc người có quyền khai thác hợp pháp có trách nhiệm quản lý, khai thác và sử dụng công trình ngầm không thuộc tài sản công đúng công năng, nội dung dự án được phê duyệt và quy định của pháp luật.

3. Việc khai thác, sử dụng công trình ngầm phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Chủ sở hữu, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản hoặc người có quyền khai thác hợp pháp có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện quy chế khai thác, sử dụng công trình, trong đó xác định công năng, phạm vi, thời gian hoạt động, điều kiện sử dụng và trách nhiệm của người sử dụng;

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng công trình phải tuân thủ quy chế khai thác, sử dụng; bảo vệ công trình, thiết bị và hạ tầng dùng chung; không cản trở việc sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

4. Việc bảo đảm quyền đối với đất và công trình ngầm được quy định như sau:

a) Việc kết nối, khai thác và sử dụng công trình ngầm không tự làm thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chế độ sở hữu công trình; không tự làm phát sinh quyền độc quyền đối với hạ tầng dùng chung hoặc không gian công cộng. Việc xác lập, thay đổi các quyền này phải có căn cứ theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp phần kết nối hoặc công trình, hạ tầng kỹ thuật ngầm phục vụ mục đích công cộng được bố trí ngoài phạm vi dự án đã được phê duyệt, chủ đầu tư phải xác định vị trí, phạm vi, độ sâu sử dụng đất và không gian ngầm; hoàn thành các thủ tục về đầu tư, xây dựng và đất đai để được sử dụng phần diện tích đất, không gian ngầm này theo quy định của pháp luật trước khi thi công.

Chủ đầu tư có trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản có liên quan; khôi phục mặt đất, công trình, hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công; thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

5. Việc công khai thông tin, lưu giữ hồ sơ và cung cấp dữ liệu được quy định như sau:

a) Chủ sở hữu, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản hoặc người có quyền khai thác hợp pháp có trách nhiệm tổ chức công khai quy chế khai thác, sử dụng, thời gian hoạt động, công năng được phép sử dụng, khu vực hạn chế tiếp cận, đầu mối tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn xử lý tình huống khẩn cấp dành cho người sử dụng;

b) Thông tin quy định tại điểm a khoản này được niêm yết tại vị trí dễ tiếp cận trong công trình và đăng trên trang thông tin điện tử hoặc ứng dụng của đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm, nếu có. Không công khai thông tin thuộc bí mật nhà nước, thông tin bị hạn chế tiếp cận hoặc có thể ảnh hưởng đến an toàn, an ninh công trình;

c) Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm có trách nhiệm lập, lưu giữ, cập nhật hồ sơ theo dõi hoạt động khai thác, bảo trì, kiểm định và sự cố theo pháp luật chuyên ngành; cung cấp dữ liệu cho cơ quan được giao quản lý nhà nước đối với công trình để cập nhật vào cơ sở dữ liệu dùng chung theo Điều 11 Quy định này.

Chương III

CƠ SỞ DỮ LIỆU, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ SỰ CỐ

Điều 11. Cơ sở dữ liệu và chế độ cập nhật

1. Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu và bản đồ số dùng chung về không gian ngầm (sau đây gọi là hệ thống dùng chung):

a) Sở Xây dựng chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng hệ thống dùng chung; thống nhất cấu trúc dữ liệu, yêu cầu kỹ thuật, hạ tầng và phương thức kết nối;

b) Sở Xây dựng quản lý, vận hành hệ thống dùng chung; tiếp nhận, tổng hợp, tích hợp dữ liệu do các cơ quan cung cấp; phân quyền truy cập, sao lưu và khôi phục dữ liệu;

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục dữ liệu, cấu trúc, định dạng và quy chế cập nhật, chia sẻ, khai thác dữ liệu, phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chuẩn kết nối áp dụng;

d) Quy chế phải xác định dữ liệu do từng cơ quan cung cấp, cập nhật; thời hạn, hình thức thực hiện; việc kiểm tra, chỉnh sửa dữ liệu và quyền khai thác, sử dụng.

2. Hệ thống dùng chung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Tích hợp dữ liệu quy hoạch, công trình ngầm, công trình trên mặt đất và hạ tầng có liên quan trên bản đồ số; ứng dụng hệ thống thông tin địa lý và bản đồ số ba chiều theo lộ trình được phê duyệt để xác định vị trí, tương quan không gian và chồng lấn giữa các công trình;

b) Kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nền tảng bản sao kỹ thuật số đô thị của Thành phố và hệ thống cơ sở dữ liệu về phát triển đô thị theo kiến trúc, chuẩn kết nối và lộ trình được phê duyệt;

c) Có chức năng tự động tổng hợp, xuất danh mục quản lý công trình ngầm theo biểu mẫu thống nhất, theo từng cơ quan quản lý, địa bàn, ngành, lĩnh vực và toàn Thành phố; ghi nhận thời điểm cập nhật, thời điểm xuất và lưu giữ danh mục hằng năm;

d) Đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

3. Các nhóm dữ liệu chính trong hệ thống dùng chung:

a) Quy hoạch, vị trí, phạm vi, ranh giới không gian ba chiều, cao độ, độ sâu, công năng sử dụng, phạm vi bảo vệ, lối ra, vào công trình và điểm kết nối;

b) Danh mục quản lý công trình ngầm; thông tin về chủ đầu tư, chủ sở hữu, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm và cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình; hồ sơ thiết kế, hoàn công, nghiệm thu, bảo trì, kiểm định, quan trắc và tình trạng khai thác;

c) Địa hình, địa chất, địa kỹ thuật, thủy văn, tài nguyên nước, nguồn nước dưới đất và môi trường;

d) Hạ tầng dùng chung, công nghệ, thiết bị và phương tiện hoạt động trong không gian ngầm;

đ) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra, xử lý vi phạm, sự cố, phạm vi ảnh hưởng và biện pháp khắc phục;

e) Thông tin liên kết với hồ sơ xác định tiền sử dụng không gian ngầm, gồm người phải nộp tiền, cơ quan xác định tiền và mã hồ sơ, do cơ quan xác định tiền tổng hợp, cập nhật.

4. Xây dựng, quản lý và cập nhật dữ liệu:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng, quản lý, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu chuyên ngành về không gian ngầm thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý khu chức năng xây dựng, quản lý, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu công trình ngầm được phân cấp quản lý; cung cấp, kết nối và chia sẻ dữ liệu với hệ thống dùng chung;

c) Chủ đầu tư cung cấp dữ liệu công trình khi nghiệm thu, bàn giao. Chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản và đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm cung cấp thông tin về công trình, hoạt động bảo trì, vận hành và các thay đổi có liên quan của công trình cho cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước;

d) Các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản này kiểm tra, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi quản lý trước khi cung cấp, cập nhật vào hệ thống dùng chung; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu.

5. Yêu cầu về chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu:

a) Dữ liệu phải xác định nguồn, thời điểm cập nhật, mức độ chính xác, cấp độ tiếp cận và cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp. Dữ liệu về cùng một công trình phải sử dụng thống nhất mã công trình trong danh mục quản lý công trình ngầm;

b) Dữ liệu phải được cập nhật khi quy hoạch được phê duyệt hoặc điều chỉnh; công trình được nghiệm thu, đưa vào sử dụng; có thay đổi về quy mô, công năng,

chủ sở hữu, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm, cơ quan quản lý nhà nước hoặc tình trạng khai thác; có kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra, xử lý vi phạm hoặc xử lý sự cố. Thời hạn, hình thức cập nhật thực hiện theo quy chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

6. Thu thập, bổ sung dữ liệu:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố kế thừa dữ liệu chuyên ngành từ hồ sơ, bản đồ, cơ sở dữ liệu và kết quả khảo sát đã có. Cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm thu thập, kế thừa dữ liệu công trình thuộc phạm vi quản lý;

b) Các cơ quan quy định tại điểm a khoản này rà soát dữ liệu thuộc trách nhiệm của mình, xác định nội dung còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo đảm an toàn; tổ chức hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khảo sát, đo đạc, chuẩn hóa, số hóa bổ sung. Không yêu cầu khảo sát, số hóa lại dữ liệu đã đáp ứng yêu cầu;

c) Chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản và đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm cung cấp hồ sơ, thông tin hiện có; phối hợp, bảo đảm điều kiện khảo sát, đo đạc tại công trình.

7. Việc lập, cập nhật danh mục quản lý công trình ngầm:

a) Danh mục quản lý công trình ngầm quy định tại Điều 6 Quy định này được tích hợp vào hệ thống dùng chung; sử dụng thống nhất mã công trình và thông tin về công trình;

b) Trong thời gian hệ thống chưa đáp ứng yêu cầu tổng hợp, xuất danh mục, cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm lập, cập nhật danh mục theo biểu mẫu thống nhất trên cơ sở hồ sơ và thông tin hiện trạng đã được kiểm tra; gửi Sở Xây dựng tổng hợp, tích hợp vào hệ thống;

c) Khi hệ thống đáp ứng yêu cầu, danh mục được tự động tổng hợp, xuất theo biểu mẫu thống nhất từ dữ liệu đã cập nhật. Cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm cập nhật thông tin khi có thay đổi; hằng năm rà soát, xác nhận dữ liệu và xuất danh mục thuộc phạm vi quản lý;

d) Việc cập nhật danh mục không thay thế quyết định phân cấp hoặc quyết định thay đổi cơ quan quản lý nhà nước đối với công trình.

8. Chia sẻ và khai thác dữ liệu:

a) Sở Xây dựng cấp quyền khai thác dữ liệu trên hệ thống dùng chung theo phạm vi nhiệm vụ và cấp độ tiếp cận;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý khu chức năng khai thác, trao đổi dữ liệu để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo phân cấp; cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan có liên quan khi thực hiện nhiệm vụ phối hợp;

c) Việc cung cấp, trao đổi dữ liệu thực hiện qua hệ thống thông tin đã kết nối. Trong thời gian chưa có hệ thống kết nối, các cơ quan cung cấp, trao đổi dữ liệu qua hệ thống thông tin công vụ hoặc bằng hồ sơ giấy, ghi rõ nguồn dữ liệu,

thời điểm cung cấp và tên cơ quan cung cấp. Cơ quan cung cấp chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý;

d) Cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã có trong hệ thống dùng chung hoặc cơ sở dữ liệu đã kết nối mà cơ quan này truy cập, khai thác được theo quyền được cấp.

9. Bảo vệ thông tin, dữ liệu:

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, quản lý và khai thác dữ liệu phải bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi trách nhiệm, sử dụng đúng quyền truy cập được cấp;

b) Thông tin, dữ liệu thuộc bí mật nhà nước được lưu trữ, xử lý, cung cấp và chia sẻ theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; không tích hợp vào hệ thống dùng chung khi hệ thống chưa đáp ứng yêu cầu bảo mật hoặc chưa được phép theo quy định;

c) Dữ liệu bị hạn chế tiếp cận được phân quyền khai thác theo đối tượng, mục đích và phạm vi được phép. Việc xử lý dữ liệu cá nhân phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

d) Đối với dữ liệu có yếu tố quốc phòng, an ninh, cơ quan có thẩm quyền về quốc phòng, an ninh xác định phạm vi, nội dung, hình thức và đối tượng được cung cấp, cập nhật, khai thác, chia sẻ theo quy định của pháp luật. Thông tin liên quan đến công trình ngầm lưỡng dụng được cung cấp cho cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình và các cơ quan phối hợp trong phạm vi cần thiết để quản lý, bảo vệ công trình và xử lý sự cố.

10. Kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành, chuẩn hóa, cập nhật và kết nối cơ sở dữ liệu được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách, trong phạm vi dự toán, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch chuyển đổi số được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán thực hiện theo pháp luật áp dụng đối với từng nội dung công việc và nguồn kinh phí. Đối với công việc chưa có định mức, cơ quan được giao nhiệm vụ phải xác định, thuyết minh căn cứ và phương pháp tính chi phí theo quy định của pháp luật chuyên ngành, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Điều 12. Kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng công trình ngầm:

a) Cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm chủ trì kiểm tra việc chấp hành Quy định này và pháp luật có liên quan của chủ đầu tư, chủ sở hữu, người có quyền khai thác hợp pháp, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản và đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình thuộc phạm vi quản lý;

b) Nội dung kiểm tra gồm việc xây dựng, kết nối, khai thác, sử dụng công trình; vận hành, bảo trì, kiểm định, quan trắc, bảo vệ công trình; bảo đảm an toàn,

phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ, chống ngập, bảo vệ môi trường, trật tự xây dựng, an ninh, trật tự; sử dụng công nghệ, hệ thống kỹ thuật, thiết bị, phương tiện; thực hiện quy chế phối hợp vận hành, phương án đối với công trình lưỡng dụng, thủ tục hành chính, công khai thông tin, cung cấp, cập nhật dữ liệu và lưu giữ hồ sơ theo Quy định này;

c) Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm rà soát danh mục quản lý công trình ngầm, hồ sơ đầu tư xây dựng, dữ liệu đất đai, tình trạng khai thác và kết quả xác định tiền để phát hiện, yêu cầu thực hiện thủ tục đối với trường hợp chưa thực hiện, chưa được xác định tiền hoặc có thay đổi chưa được cập nhật;

d) Cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm tổ chức kiểm tra theo kế hoạch; tiếp nhận, xem xét phản ánh, kiến nghị, thông tin về dấu hiệu vi phạm hoặc mất an toàn công trình để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, cơ quan chủ trì kiểm tra đề nghị cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp; trao đổi kế hoạch, nội dung và kết quả kiểm tra để tránh chồng chéo, trùng lặp;

đ) Tổ chức, cá nhân được kiểm tra cung cấp hồ sơ, thông tin và phối hợp thực hiện yêu cầu. Việc kiểm tra phải thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này theo kế hoạch hoặc yêu cầu quản lý; giao cơ quan có chức năng, thẩm quyền theo quy định chủ trì thực hiện;

b) Nội dung kiểm tra gồm việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý khu chức năng về quản lý công trình ngầm theo phân cấp; lập, cập nhật danh mục và dữ liệu; giải quyết thủ tục hành chính; phối hợp quản lý, tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm và theo dõi khắc phục;

c) Cơ quan được kiểm tra cung cấp hồ sơ, giải trình việc thực hiện nhiệm vụ; thực hiện yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục và quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

3. Xử lý kết quả kiểm tra:

a) Cơ quan chủ trì kiểm tra quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này lập hồ sơ ghi nhận kết quả kiểm tra, xác định nội dung không chấp hành quy định và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; yêu cầu khắc phục, áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm theo thẩm quyền, quy định của pháp luật. Trường hợp vượt thẩm quyền, cơ quan chủ trì kiểm tra chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền xử lý;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra thực hiện yêu cầu khắc phục, quyết định xử lý và báo cáo kết quả. Cơ quan chủ trì kiểm tra theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; theo dõi kết quả giải quyết đối với hồ sơ đã chuyển đến cơ quan có thẩm quyền;

c) Cơ quan ban hành kết luận kiểm tra hoặc quyết định xử lý vi phạm thực hiện công khai kết luận, quyết định thuộc diện phải công khai theo quy định của pháp luật;

d) Cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm cập nhật kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm và khắc phục đối với công trình thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu theo Điều 11 Quy định này.

Điều 13. Phối hợp xử lý sự cố

1. Ứng phó khi phát hiện nguy cơ mất an toàn hoặc xảy ra sự cố:

a) Chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản và đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm phải kịp thời cảnh báo, hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động tại khu vực có nguy cơ mất an toàn hoặc xảy ra sự cố; sơ tán người, cô lập khu vực, tổ chức ứng cứu và thực hiện biện pháp ngăn ngừa sự cố lan rộng theo phương án ứng phó;

b) Trường hợp sự cố đe dọa trực tiếp đến tính mạng, tài sản, an toàn công trình hoặc có nguy cơ làm gián đoạn việc cung cấp dịch vụ thiết yếu, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm triển khai ngay các biện pháp cần thiết theo phương án ứng phó, quy trình vận hành và pháp luật chuyên ngành;

c) Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng thực hiện các biện pháp ứng phó đối với công trình đang thi công. Việc bảo vệ hiện trường, thay đổi hoặc thu dọn hiện trường sự cố công trình xây dựng thực hiện theo pháp luật về xây dựng.

2. Thông báo và duy trì liên lạc xử lý sự cố:

a) Chủ đầu tư hoặc đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm thông báo ngay bằng phương thức nhanh nhất cho cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng nơi có công trình, chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản và lực lượng ứng cứu có liên quan; thực hiện báo cáo sự cố theo pháp luật về xây dựng và pháp luật chuyên ngành;

b) Cơ quan, đơn vị tiếp nhận thông tin khẩn cấp chuyển ngay thông tin đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết sự cố; triển khai nhiệm vụ ứng phó thuộc phạm vi trách nhiệm;

c) Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm duy trì đầu mối liên lạc xử lý sự cố với các cơ quan, đơn vị có liên quan. Đối với công trình có yêu cầu vận hành liên tục hoặc nguy cơ sự cố cao, đầu mối ứng trực được duy trì 24 giờ mỗi ngày.

3. Phối hợp xử lý sự cố:

a) Cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm chủ trì, phối hợp xử lý sự cố thuộc phạm vi quản lý; đề nghị cơ quan, đơn vị có liên quan hỗ trợ. Trường hợp sự cố vượt khả năng xử lý, cơ quan này báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để chỉ đạo. Đối với sự cố công trình xây dựng, việc chủ trì giải quyết sự cố thực hiện theo pháp luật về xây dựng;

b) Công an Thành phố thực hiện nhiệm vụ về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; Bộ Tư lệnh Thành phố thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, phòng thủ dân sự theo thẩm quyền;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng phối hợp cảnh báo, bảo vệ hiện trường, phân luồng, sơ tán và hỗ trợ xử lý sự cố đối với công trình thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan khác trên địa bàn;

d) Chủ đầu tư, chủ sở hữu, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm và các đơn vị có liên quan thực hiện biện pháp kỹ thuật theo phương án ứng phó và sự chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền giải quyết sự cố.

4. Xác định nguyên nhân và khắc phục sự cố:

a) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản cung cấp hồ sơ, dữ liệu quan trắc, vận hành và thông tin có liên quan để xác định nguyên nhân sự cố; tổ chức khắc phục theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và pháp luật chuyên ngành;

b) Việc giám định nguyên nhân, xác định trách nhiệm, bồi thường thiệt hại và chi phí xử lý sự cố công trình xây dựng thực hiện theo pháp luật về xây dựng;

c) Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm phối hợp với các đơn vị vận hành công trình có kết nối hoặc sử dụng hạ tầng dùng chung để bảo đảm an toàn, hạn chế gián đoạn dịch vụ và khôi phục hoạt động.

5. Công trình chỉ được hoạt động trở lại sau khi nguy cơ mất an toàn được loại trừ, việc khắc phục được kiểm tra và đáp ứng điều kiện an toàn theo pháp luật chuyên ngành. Đối với công trình xảy ra sự cố công trình xây dựng, việc tiếp tục thi công, vận hành, khai thác, sử dụng phải được cơ quan có thẩm quyền giải quyết sự cố cho phép.

6. Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc xử lý sự cố, chủ đầu tư hoặc đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm cung cấp thông tin về diễn biến, nguyên nhân đã được xác định, phạm vi ảnh hưởng, biện pháp khắc phục và tình trạng công trình cho cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình để cập nhật vào cơ sở dữ liệu theo Điều 11 Quy định này. Trường hợp chưa có kết quả xác định nguyên nhân, thông tin này được bổ sung khi có kết quả của cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV

THỦ TỤC XÁC ĐỊNH, THÔNG BÁO VÀ RÀ SOÁT TIỀN SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM

Điều 14. Thủ tục xác định và thông báo tiền sử dụng không gian ngầm

1. Đối tượng và thời điểm thực hiện thủ tục:

a) Người thuộc đối tượng nộp tiền sử dụng không gian ngầm, bao gồm trường hợp được miễn, giảm theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND, thực hiện thủ tục xác định tiền lần đầu hoặc khi thay đổi căn cứ tính tiền làm thay đổi số tiền phải

nộp; việc thông báo, cập nhật thông tin thay đổi thực hiện theo khoản 2 Điều 16 Quy định này;

b) Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu tính tiền sử dụng không gian ngầm hoặc ngày phát sinh thay đổi căn cứ tính tiền làm thay đổi số tiền phải nộp theo quy định tại khoản 6 Điều 13 và Điều 14 Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND, người phải nộp tiền sử dụng không gian ngầm nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Trường hợp thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu, đủ căn cứ xác định tiền và không có thay đổi, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm chủ động khai thác để giải quyết; không yêu cầu cung cấp hoặc kê khai lại theo khoản 3 Điều 14 Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND.

2. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả:

a) Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ đến cơ quan giải quyết, theo dõi quá trình giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi Thành phố;

b) Cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm theo Điều 6 Quy định này là cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm, gồm cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý khu chức năng. Đối với công trình được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực xây dựng kiểm tra hồ sơ, tham mưu xác định tiền sử dụng không gian ngầm;

c) Thuế Thành phố căn cứ kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm để ban hành thông báo nộp tiền; phân công đơn vị trực thuộc thực hiện và thông báo đầu mối phối hợp cho cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm;

d) Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm chủ trì giải quyết hồ sơ, theo dõi và đôn đốc việc phối hợp với Thuế Thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công để hoàn thành thủ tục trong thời hạn quy định tại khoản 6 Điều này.

3. Thành phần hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Tờ khai xác định tiền sử dụng không gian ngầm theo Mẫu số II.01 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này;

b) Bản sao hoặc mã hồ sơ điện tử của tài liệu xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, quản lý hoặc khai thác công trình ngầm;

c) Bản sao hoặc mã hồ sơ điện tử của một trong các văn bản về đầu tư, xây dựng phù hợp với trường hợp của dự án, công trình: quyết định đầu tư, văn bản chấp thuận dự án, giấy phép xây dựng hoặc văn bản có giá trị tương đương; hồ sơ thiết kế xây dựng, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt thể hiện phạm vi, ranh giới không gian ba chiều, diện tích sàn, công năng và khoảng độ sâu;

d) Bản sao hoặc mã hồ sơ điện tử của biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình đưa vào sử dụng, hồ sơ hoàn công hoặc tài liệu xác định thời điểm bắt đầu khai thác, sử dụng thực tế;

đ) Tài liệu chứng minh điều kiện miễn, giảm, nếu chưa được thể hiện trong các tài liệu quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này;

e) Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật, trường hợp nộp hồ sơ thông qua người được ủy quyền.

Trung tâm Phục vụ hành chính công và cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm khai thác thông tin, dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu đã được công bố, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính để thay thế thành phần hồ sơ tương ứng; không yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã khai thác được.

Trường hợp không khai thác được dữ liệu do sự cố, thảm họa hoặc thông tin chưa chính xác, cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ yêu cầu bổ sung thông tin, giấy tờ cần thiết theo quy định. Người nộp hồ sơ được cung cấp bản sao kèm bản chính để đối chiếu, bản sao có chứng thực hoặc số, ký hiệu, mã hồ sơ điện tử để cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm khai thác.

4. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Người nộp hồ sơ thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp hoặc qua dịch vụ bưu chính; thực hiện trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia khi hệ thống đáp ứng yêu cầu và thủ tục được cung cấp trực tuyến.

Người nộp hồ sơ đăng ký phương thức nhận kết quả trong Tờ khai. Kết quả điện tử được ký số và trả qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5. Trình tự giải quyết:

a) Tiếp nhận và chuyển hồ sơ:

Trung tâm Phục vụ hành chính công kiểm tra hồ sơ, cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc hướng dẫn bổ sung hồ sơ; chuyển hồ sơ đến cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm theo quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

b) Kiểm tra hồ sơ và khai thác thông tin:

Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm kiểm tra hồ sơ, khai thác dữ liệu để xác định người phải nộp tiền, diện tích sàn, công năng, khoảng độ sâu, đơn giá, thời điểm bắt đầu tính tiền, phương thức nộp, thời gian tính tiền và điều kiện miễn, giảm.

Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thông tin còn thiếu, chưa thống nhất hoặc không khai thác được, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin theo Mẫu số II.02 đến cơ quan có liên quan đang quản lý thông tin. Cơ quan được yêu cầu trả lời trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận yêu cầu. Các yêu cầu được gửi đồng thời; thời gian cung cấp thông tin nằm trong thời hạn giải quyết thủ tục.

Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm khai thác mã số thuế đã có, không yêu cầu người nộp hồ sơ lấy xác nhận của Thuế Thành phố;

c) Làm rõ và bổ sung hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ, dữ liệu chưa đủ căn cứ xác định diện tích, công năng, khoảng độ sâu hoặc thời điểm khai thác, sử dụng, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm tổ chức kiểm tra hiện trạng một lần; thông báo cho người nộp hồ sơ trước ít nhất 02 ngày làm việc và lập biên bản kiểm tra. Người nộp hồ sơ hoặc người được ủy quyền phối hợp cung cấp thông tin, bảo đảm điều kiện kiểm tra tại công trình. Việc kiểm tra nằm trong thời hạn giải quyết thủ tục.

Trường hợp cần bổ sung thông tin thuộc thành phần hồ sơ nhưng chưa khai thác được, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm chuyển yêu cầu đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để thông báo cho người nộp hồ sơ, ghi rõ nội dung cần bổ sung. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và xử lý hồ sơ quá hạn thực hiện theo quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

d) Xác định tiền sử dụng không gian ngầm:

Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm áp dụng Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND, lập Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm theo Mẫu số II.03, kèm bảng tính thể hiện từng phần diện tích, công năng, khoảng độ sâu, nguồn đơn giá, hệ số miễn, giảm, phương thức nộp và thời gian tính tiền; chịu trách nhiệm về thông tin và số tiền đã xác định.

Thời hạn hoàn thành việc xác định tiền không quá 10 ngày làm việc đối với công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng xác định tiền và không quá 15 ngày làm việc đối với công trình do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố xác định tiền, kể từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời hạn này bao gồm việc chuyển hồ sơ, xác định cơ quan giải quyết, cung cấp thông tin và kiểm tra hiện trạng;

đ) Chuyển kết quả đến Thuế Thành phố:

Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày ký kết quả, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm chuyển kết quả và hồ sơ làm căn cứ tính tiền đến Thuế Thành phố; đồng thời cập nhật trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Mẫu số II.03 đồng thời là phiếu chuyển thông tin để ban hành thông báo nộp tiền;

e) Ban hành thông báo nộp tiền:

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận kết quả và hồ sơ kèm theo, Thuế Thành phố ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng không gian ngầm theo Mẫu số II.04, ghi rõ số tiền, phương thức nộp, kỳ tính tiền hoặc thời hạn tính tiền một lần, thời hạn nộp và thông tin thanh toán.

Trường hợp thông tin chuyển đến còn thiếu hoặc chưa thống nhất, Thuế Thành phố thông báo cho cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm để hoàn thiện. Việc phối hợp hoàn thiện phải thực hiện trong thời hạn giải quyết thủ tục.

Thuế Thành phố chuyển thông báo điện tử đến hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để trả kết quả, đồng thời gửi cho người phải nộp tiền theo pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp chưa chuyển được thông báo điện tử, Thuế Thành phố chuyển thông báo đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ để trả kết quả;

g) Trả kết quả:

Trung tâm Phục vụ hành chính công trả Thông báo nộp tiền sử dụng không gian ngầm, kèm bản sao Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm, theo phương thức đã đăng ký trong ngày nhận được thông báo hoặc ngày làm việc tiếp theo. Người nộp hồ sơ không phải chuyển hồ sơ, kết quả giữa các cơ quan.

Trường hợp được miễn toàn bộ, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm chuyển Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm theo Mẫu số II.03 đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để trả kết quả, đồng thời gửi Thuế Thành phố để theo dõi. Việc chuyển, trả kết quả thực hiện trong tổng thời hạn quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Thời hạn giải quyết:

a) Không quá 15 ngày làm việc đối với công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý khu chức năng xác định tiền;

b) Không quá 20 ngày làm việc đối với công trình do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố xác định tiền.

Thời hạn được tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi trả kết quả, bao gồm các khâu quy định tại khoản 5 Điều này. Thời gian người nộp hồ sơ bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

7. Kết quả giải quyết:

a) Thông báo nộp tiền sử dụng không gian ngầm theo Mẫu số II.04, kèm bản sao Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm theo Mẫu số II.03;

b) Trường hợp được miễn toàn bộ, kết quả là Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm theo Mẫu số II.03, ghi rõ số tiền phải nộp bằng không và căn cứ miễn.

8. Người phải nộp tiền sử dụng không gian ngầm nộp vào ngân sách nhà nước chậm nhất vào ngày cuối cùng của thời hạn nộp tiền ghi trong Thông báo nộp tiền, theo phương thức và thông tin thanh toán trong thông báo. Việc nộp tiền thực hiện tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng được ủy nhiệm thu hoặc bằng phương thức thanh toán điện tử.

Thuế Thành phố theo dõi, đôn đốc và xử lý việc nộp tiền theo pháp luật về quản lý thuế.

9. Không thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính này.

Điều 15. Thủ tục rà soát, điều chỉnh kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm và thông báo nộp tiền

1. Người phải nộp tiền sử dụng không gian ngầm thực hiện thủ tục khi phát hiện sai sót hoặc không thống nhất với kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm hoặc thông báo nộp tiền đã ban hành.

2. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả được quy định như sau:

a) Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ và trả kết quả theo khoản 2 Điều 14 Quy định này;

b) Cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm là cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm, chủ trì rà soát và theo dõi, đôn đốc toàn bộ quy trình giải quyết. Trường hợp thay đổi cơ quan quản lý nhà nước đối với công trình, cơ quan đã xác định tiền bàn giao hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận quản lý để giải quyết;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan có liên quan cung cấp thông tin phục vụ rà soát theo đề nghị của cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm;

d) Thuế Thành phố căn cứ kết quả rà soát và kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm để điều chỉnh thông báo nộp tiền.

3. Thành phần hồ sơ gồm 01 bộ:

a) Văn bản đề nghị rà soát, điều chỉnh theo Mẫu số II.05 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này, ghi rõ nội dung đề nghị và số, ngày, cơ quan ban hành kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm hoặc thông báo nộp tiền cần rà soát;

b) Tài liệu chứng minh nội dung đề nghị rà soát, điều chỉnh mà cơ quan giải quyết chưa có hoặc chưa khai thác được từ hồ sơ, cơ sở dữ liệu.

Cơ quan giải quyết sử dụng hồ sơ, dữ liệu và kết quả đã ban hành để rà soát; không yêu cầu người đề nghị nộp lại toàn bộ hồ sơ xác định tiền sử dụng không gian ngầm.

4. Việc nộp hồ sơ và nhận kết quả thực hiện theo khoản 4 Điều 14 Quy định này.

5. Trình tự giải quyết được quy định như sau:

a) Trung tâm Phục vụ hành chính công kiểm tra, tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm theo điểm a khoản 5 Điều 14 Quy định này;

b) Trong vòng 07 ngày làm việc đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng hoặc trong vòng 10 ngày làm việc đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, kể từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm kiểm tra nội dung đề nghị, lấy thông tin từ các cơ quan có liên quan và ban hành Kết quả rà soát theo Mẫu số II.06 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này. Kết quả rà soát phải nêu rõ

nội dung, căn cứ và kết luận về việc giữ nguyên hoặc điều chỉnh kết quả đã ban hành.

Trường hợp điều chỉnh số tiền hoặc thông tin làm căn cứ ban hành thông báo nộp tiền, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm lập Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm điều chỉnh theo Mẫu số II.03, chuyển Thuế Thành phố cùng Kết quả rà soát.

Trường hợp thông báo nộp tiền không thống nhất với kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm đã ban hành, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm chuyển Kết quả rà soát và Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm đã ban hành đến Thuế Thành phố để điều chỉnh thông báo.

Thời hạn quy định tại điểm này bao gồm thời gian chuyển hồ sơ, rà soát, lấy thông tin, ban hành kết quả và chuyển hồ sơ đến Thuế Thành phố;

c) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ kết quả và thông tin do cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm chuyển đến, Thuế Thành phố ban hành Thông báo nộp tiền điều chỉnh theo Mẫu số II.04 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này; gửi người phải nộp tiền và chuyển kết quả để trả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo điểm e khoản 5 Điều 14 Quy định này.

Trường hợp được miễn toàn bộ và trước đó đã ban hành thông báo nộp tiền, Thuế Thành phố ban hành thông báo nộp tiền điều chỉnh, ghi rõ số tiền phải nộp bằng không;

d) Trường hợp không phải điều chỉnh thông báo nộp tiền hoặc được miễn toàn bộ và trước đó chưa ban hành thông báo nộp tiền, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm chuyển Kết quả rà soát đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để trả kết quả, đồng thời gửi Thuế Thành phố để theo dõi;

đ) Trung tâm Phục vụ hành chính công trả kết quả theo phương thức người đề nghị đã đăng ký trong ngày nhận được kết quả hoặc ngày làm việc tiếp theo. Người đề nghị không phải chuyển hồ sơ, kết quả giữa các cơ quan.

6. Thời hạn giải quyết không quá 11 ngày làm việc đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng hoặc 14 ngày làm việc đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, kể từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi trả kết quả.

Thời hạn giải quyết bao gồm thời gian chuyển hồ sơ, rà soát, lấy thông tin, ban hành kết quả rà soát, điều chỉnh kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm, ban hành thông báo nộp tiền điều chỉnh và trả kết quả. Thời gian người đề nghị bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

7. Kết quả giải quyết được quy định như sau:

a) Thông báo nộp tiền điều chỉnh theo Mẫu số II.04, kèm bản sao Kết quả rà soát theo Mẫu số II.06, đối với trường hợp điều chỉnh thông báo nộp tiền, bao gồm trường hợp được miễn toàn bộ và trước đó đã ban hành thông báo nộp tiền;

b) Kết quả rà soát theo Mẫu số II.06 đối với trường hợp không điều chỉnh thông báo nộp tiền hoặc được miễn toàn bộ và trước đó chưa ban hành thông báo nộp tiền; kèm bản sao Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm điều chỉnh theo Mẫu số II.03 nếu có.

8. Việc đề nghị rà soát, điều chỉnh không làm tạm dừng nghĩa vụ nộp tiền, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người phải nộp tiền có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật. Việc xử lý tiền nộp thừa, nộp thiếu và chậm nộp thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.

9. Không thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính này.

Điều 16. Theo dõi, cập nhật và xác định tiền sử dụng không gian ngầm cho kỳ tiếp theo

1. Lập, cập nhật hồ sơ theo dõi tiền sử dụng không gian ngầm:

a) Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm lập, cập nhật hồ sơ theo dõi, gồm mã công trình, người phải nộp tiền, phương thức nộp, diện tích, công năng, khoảng độ sâu, kỳ tính tiền hằng năm hoặc thời hạn tính tiền một lần, kết quả xác định tiền và thông báo nộp tiền. Thông tin về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền được cập nhật từ dữ liệu nộp ngân sách nhà nước hoặc thông tin do Thuế Thành phố cung cấp;

b) Trường hợp thay đổi cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm, cơ quan đã xác định tiền bàn giao hồ sơ theo dõi cho cơ quan tiếp nhận quản lý để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ; không yêu cầu người phải nộp tiền kê khai lại chỉ do thay đổi cơ quan quản lý.

2. Cung cấp, cập nhật thông tin thay đổi:

a) Trong vòng 10 ngày kể từ ngày có thay đổi về chủ sở hữu, người phải nộp tiền, diện tích, công năng, khoảng độ sâu, phương thức nộp hoặc thông tin khác làm thay đổi căn cứ tính tiền, chủ sở hữu hoặc người phải nộp tiền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và cung cấp thông tin về nội dung, thời điểm thay đổi cho cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm. Trường hợp thay đổi làm thay đổi số tiền phải nộp, người phải nộp tiền thực hiện thủ tục theo Điều 14 Quy định này đối với nội dung thay đổi;

b) Trường hợp thay đổi người phải nộp tiền, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm xác định thời điểm thay đổi và nghĩa vụ nộp tiền của từng người theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND; kế thừa hồ sơ công trình và phần nghĩa vụ đã hoàn thành, chỉ yêu cầu bổ sung thông tin, tài liệu cần thiết về nội dung thay đổi;

c) Chậm nhất ngày 05 của tháng đầu quý tiếp theo, cơ quan cấp giấy phép xây dựng, cơ quan thẩm định, phê duyệt dự án, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan tiếp nhận hồ sơ nghiệm thu và cơ quan chuyên môn có liên quan cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý về công trình ngầm phát sinh hoặc thay đổi trong quý trước cho cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm;

d) Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm kiểm tra, cập nhật thông tin vào hồ sơ theo dõi; thông báo cho người phải nộp tiền thực hiện thủ tục theo Điều 14 Quy định này đối với trường hợp chưa thực hiện thủ tục hoặc có thay đổi làm thay đổi số tiền phải nộp.

3. Xác định tiền sử dụng không gian ngầm cho kỳ tiếp theo đối với phương thức nộp hằng năm:

a) Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm rà soát thông tin về người phải nộp tiền và căn cứ tính tiền từ hồ sơ đang quản lý, dữ liệu đã kết nối và thông tin được cung cấp theo khoản 2 Điều này. Trường hợp không nhận được thông báo thay đổi và không có thông tin khác xác định có thay đổi, cơ quan xác định tiền sử dụng thông tin của kỳ trước để xác định tiền cho kỳ tiếp theo. Trường hợp thông tin còn thiếu hoặc không thống nhất, cơ quan xác định tiền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, xác minh nội dung cần làm rõ;

b) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kỳ tính tiền, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm cập nhật căn cứ tính tiền và ban hành Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm theo Mẫu số II.03 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này. Kết quả phải ghi rõ ngày bắt đầu và ngày kết thúc kỳ tính tiền theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND;

c) Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết quả, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm chuyển kết quả và hồ sơ kèm theo đến Thuế Thành phố;

d) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ kết quả và hồ sơ kèm theo, Thuế Thành phố ban hành Thông báo nộp tiền theo Mẫu số II.04 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này, gửi người phải nộp tiền theo pháp luật về quản lý thuế. Người phải nộp tiền thực hiện việc nộp tiền theo thông báo;

đ) Trường hợp phát hiện thông tin thay đổi sau khi đã ban hành kết quả hoặc thông báo nộp tiền, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm kiểm tra, cập nhật thông tin, xác định lại tiền theo Điều 14 Quy định này và chuyển kết quả đến Thuế Thành phố để điều chỉnh thông báo nộp tiền.

4. Theo dõi tiền sử dụng không gian ngầm đối với phương thức nộp một lần:

a) Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm kiểm tra, theo dõi diện tích, công năng và thời hạn đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền; không xác định tiền hằng năm hoặc xác định lại tiền chỉ do thay đổi đơn giá đối với cùng diện tích, công năng và thời hạn đã nộp tiền;

b) Trường hợp chỉ thay đổi chủ sở hữu hoặc người phải nộp tiền, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm cập nhật thông tin theo khoản 2 Điều này, kế thừa phần nghĩa vụ đã hoàn thành; không tính lại tiền đối với cùng diện tích, công năng và thời hạn đã nộp tiền chỉ do thay đổi chủ sở hữu hoặc người phải nộp tiền;

c) Trường hợp thay đổi công năng hoặc căn cứ khác làm phát sinh nghĩa vụ nộp tiền, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm kiểm tra, xác định lại tiền theo Điều 14 Quy định này và Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND; xác định

rõ nội dung, thời điểm thay đổi và phần nghĩa vụ đã hoàn thành không tính trùng đối với phần nghĩa vụ đã hoàn thành.

5. Cập nhật khi thay đổi đơn giá hoặc hệ số thu:

a) Đối với phương thức nộp hằng năm, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm cập nhật đơn giá, hệ số thu để xác định tiền theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND; không yêu cầu người phải nộp tiền thực hiện lại thủ tục chỉ do thay đổi đơn giá hoặc hệ số thu. Kết quả xác định tiền phải thể hiện căn cứ và thời gian áp dụng theo văn bản quy định việc thay đổi; hệ số thu điều chỉnh không áp dụng đối với thời gian đã phát sinh nghĩa vụ trước thời điểm điều chỉnh;

b) Đối với phương thức nộp một lần, việc áp dụng văn bản điều chỉnh đơn giá hoặc hệ số thu thực hiện theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND; bảo đảm nguyên tắc không xác định lại tiền chỉ do thay đổi đơn giá quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

6. Phối hợp theo dõi hồ sơ và nghĩa vụ nộp tiền:

a) Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm và Thuế Thành phố đối chiếu số lượng hồ sơ luân chuyển, mã hồ sơ, thời điểm chuyển, tiếp nhận và tình trạng ban hành thông báo nộp tiền để bổ sung hồ sơ còn thiếu, giải quyết hồ sơ chưa hoàn thành;

b) Thuế Thành phố quản lý nghĩa vụ nộp tiền, quản lý nợ và xử lý chậm nộp theo pháp luật về quản lý thuế;

c) Khi cần xác minh tình trạng nộp tiền, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm khai thác dữ liệu nộp ngân sách nhà nước hoặc đề nghị Thuế Thành phố cung cấp thông tin; chỉ yêu cầu người phải nộp tiền cung cấp chứng từ khi chưa khai thác được dữ liệu hoặc thông tin chưa thống nhất;

d) Trường hợp phát hiện người phải nộp tiền không thông báo thay đổi hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác, cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm căn cứ hồ sơ, dữ liệu hiện có và kết quả kiểm tra để xác định hoặc xác định lại tiền theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND; xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

7. Việc xác định tiền cho kỳ tiếp theo khi thông tin không thay đổi, cập nhật hồ sơ theo dõi và đối chiếu hồ sơ quy định tại Điều này được thực hiện giữa các cơ quan có liên quan; không yêu cầu người phải nộp tiền nộp lại hồ sơ hoặc thực hiện lại thủ tục theo Điều 14 Quy định này.

Chương V
TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai Quy định này; theo dõi, đôn đốc việc triển khai và tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Tiếp nhận, tổng hợp khó khăn, vướng mắc do các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh trong quá trình thực hiện Quy định này; xem xét, giải quyết các

nội dung thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng. Đối với những vấn đề chung về quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm hoặc vượt thẩm quyền giải quyết của các cơ quan thực hiện, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan quản lý khu chức năng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan quản lý khu chức năng tổ chức triển khai Quy định này trong ngành, lĩnh vực và phạm vi được giao quản lý; phân công thực hiện nhiệm vụ, bố trí nhân sự và bảo đảm điều kiện thực hiện.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch chủ trì tham mưu quy hoạch không gian ngầm; rà soát việc bố trí công trình, hạ tầng và quỹ không gian ngầm dành cho phát triển trong các quy hoạch thuộc phạm vi quản lý; đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm.

3. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan tham mưu phương án ứng dụng công nghệ, hạ tầng kỹ thuật và kết nối hệ thống thông tin phục vụ quản lý không gian ngầm; thực hiện nhiệm vụ về an toàn thông tin, an ninh mạng thuộc phạm vi được giao.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế Thành phố và Kho bạc Nhà nước xác định tài khoản thu ngân sách nhà nước và mã hạch toán áp dụng đối với tiền sử dụng không gian ngầm theo quy định. Trường hợp chưa có mã hạch toán phù hợp, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế Thành phố và Kho bạc Nhà nước báo cáo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn trước khi tổ chức thu.

5. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan quản lý khu chức năng theo dõi kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; giải quyết khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền và đề xuất giải pháp đối với nội dung vượt thẩm quyền; gửi kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đến Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 19. Trách nhiệm của Thuế Thành phố

1. Tổ chức triển khai Quy định này; phân công đơn vị trực thuộc, bố trí nhân sự và bảo đảm điều kiện thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thông báo đơn vị được phân công và đầu mối liên hệ cho cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm và Trung tâm Phục vụ hành chính công để phối hợp tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Theo dõi, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ đúng thời hạn; giải quyết khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền và phối hợp với cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao, tình hình thu, nộp tiền sử dụng không gian ngầm, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị; gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 20. Trách nhiệm của Công an Thành phố và Bộ Tư lệnh Thành phố

1. Công an Thành phố thực hiện nhiệm vụ về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm và sự cố theo thẩm quyền. Tham gia ý kiến về an ninh đối với dự án thuộc phạm vi thẩm quyền khi cơ quan chủ trì thẩm định dự án lấy ý kiến theo khoản 3 Điều 7 Quy định này.

2. Bộ Tư lệnh Thành phố thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, công tác quân sự địa phương, phòng thủ dân sự, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự; phối hợp xác định yêu cầu đối với công trình ngầm lưỡng dụng, kiểm tra và xử lý sự cố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Tham gia ý kiến đối với dự án công trình ngầm có khả năng ảnh hưởng đến đất quốc phòng, công trình quốc phòng, khu quân sự, công trình doanh trại thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ; việc xem xét thực hiện trong thủ tục đầu tư, xây dựng và thủ tục chuyên ngành, không làm phát sinh thủ tục hành chính riêng. Việc tham gia ý kiến trong thẩm định dự án thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định tại khoản 3 Điều 7 Quy định này; trường hợp ngoài thẩm quyền phải xác định, hướng dẫn đúng cơ quan có thẩm quyền.

3. Công an Thành phố và Bộ Tư lệnh Thành phố giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền; phối hợp với cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm giải quyết các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh trong quá trình thực hiện.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai Quy định này trên địa bàn và thực hiện các nhiệm vụ đối với công trình ngầm được phân cấp quản lý; phân công thực hiện nhiệm vụ, bố trí nhân sự và bảo đảm điều kiện thực hiện. Kinh phí thực hiện được bảo đảm theo phân cấp ngân sách, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị và khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết các vấn đề phát sinh đối với công trình ngầm trên địa bàn. Đối với nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan khác, chuyển thông tin đến cơ quan có trách nhiệm giải quyết và phối hợp thực hiện.

3. Tổ chức công khai thông tin về thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, gồm cơ quan giải quyết, thành phần hồ sơ, biểu mẫu, trình tự, thời hạn giải quyết, địa điểm và phương thức nộp hồ sơ, nhận kết quả theo Quy định này.

4. Theo dõi kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; tổng hợp kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu và đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm

1. Chủ đầu tư công trình ngầm có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý chất lượng, giám sát thi công, bảo đảm an toàn và bảo vệ công trình, hạ tầng, tài nguyên có khả năng chịu tác động trong quá trình đầu tư xây dựng theo pháp luật về xây dựng và pháp luật chuyên ngành;

b) Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình; lập, lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình và bàn giao hồ sơ phục vụ quản lý, sử dụng, quy trình vận hành, quy trình bảo trì cho chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận quản lý, sử dụng công trình. Chỉ đưa công trình vào khai thác, sử dụng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra, yêu cầu nhà thầu thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình, thiết bị; tổ chức khắc phục các tồn tại thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức ứng phó, báo cáo và phối hợp xử lý sự cố trong quá trình thi công xây dựng theo Điều 13 Quy định này và pháp luật về xây dựng.

2. Chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản là công trình ngầm có trách nhiệm:

a) Xác định đơn vị hoặc bộ phận trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm và đầu mối liên hệ; phân định trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo trì đối với từng bộ phận, hệ thống và điểm kết nối của công trình;

b) Tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng công trình đúng công năng; thực hiện các yêu cầu về vận hành, bảo trì và bảo đảm an toàn theo Điều 9, Điều 10 Quy định này. Tổ chức kiểm định, quan trắc, đánh giá an toàn công trình đối với các trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện;

c) Bảo đảm kinh phí vận hành, bảo trì và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn công trình theo quy định của pháp luật;

d) Khi thay đổi chủ sở hữu, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản hoặc đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm, tổ chức bàn giao hồ sơ, dữ liệu, thông tin về tình trạng công trình và các công việc bảo trì, khắc phục còn phải thực hiện; không để gián đoạn việc quản lý, vận hành do việc bàn giao.

3. Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ vận hành, bảo trì, bảo đảm an toàn và phối hợp vận hành với các công trình có kết nối theo Điều 9 Quy định này; bố trí nhân sự, đầu mối liên hệ và điều kiện thực hiện nhiệm vụ;

b) Kiểm tra, theo dõi tình trạng công trình, hệ thống kỹ thuật và thiết bị; phát hiện, xử lý nguy cơ mất an toàn trong phạm vi nhiệm vụ được giao. Kịp thời báo cáo chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản về hư hỏng, nguy cơ mất an toàn và nội dung vượt khả năng xử lý; đề xuất biện pháp khắc phục;

c) Chuẩn bị lực lượng, phương tiện và điều kiện thực hiện phương án ứng phó; cảnh báo, thông báo, tổ chức ứng cứu và phối hợp xử lý sự cố theo Điều 13 Quy định này;

d) Công khai khả năng cung cấp, điều kiện sử dụng, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, giá dịch vụ và đầu mối tiếp nhận yêu cầu đối với hạ tầng dùng chung do mình vận hành theo quy định của pháp luật.

4. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản và đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm có trách nhiệm:

a) Cung cấp, cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi trách nhiệm theo Điều 11 Quy định này; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, dữ liệu do mình cung cấp;

b) Phối hợp kiểm tra, cung cấp hồ sơ, thông tin và bảo đảm điều kiện kiểm tra tại công trình; thực hiện yêu cầu khắc phục và quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền;

c) Chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tạm dừng, hạn chế, điều chỉnh hoặc chấm dứt hoạt động khai thác, vận hành để bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn công trình hoặc xử lý tình huống khẩn cấp;

d) Thực hiện trách nhiệm khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

5. Người phải nộp tiền sử dụng không gian ngầm thực hiện thủ tục quy định tại Chương IV Quy định này; thông báo, cung cấp thông tin thay đổi theo Điều 16 Quy định này và nộp tiền theo thông báo của Thuế Thành phố.

Điều 23. Quy định chuyển tiếp và lộ trình thực hiện

1. Chuyển tiếp đối với công trình, hạ tầng, công nghệ, phương tiện và hoạt động trong không gian ngầm:

a) Công trình, hạ tầng, công nghệ, phương tiện và hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép trước ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh, gia hạn, kết nối hoặc mở rộng thực hiện theo Quy định này và pháp luật có liên quan;

b) Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm đối chiếu hồ sơ nghiệm thu và thời điểm khai thác thực tế của từng công trình, hạng mục, phần công trình để áp dụng quy định chuyển tiếp của Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND; không chỉ căn cứ ngày chấp thuận dự án, ngày cấp giấy phép hoặc ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực để xác định thời điểm bắt đầu tính tiền;

c) Đối với phần công việc chưa thực hiện của dự án đã được chấp thuận, cơ quan giải quyết đối chiếu điều kiện áp dụng và chính sách ưu đãi, hỗ trợ đã được hưởng để giải quyết theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND và pháp luật có liên quan; không được áp dụng trùng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với cùng nội dung, đối tượng và thời gian, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Thời điểm và phương thức triển khai thủ tục hành chính:

a) Thủ tục chấp thuận kết nối công trình ngầm thực hiện kể từ ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực;

b) Việc xác định, thông báo và nộp tiền sử dụng không gian ngầm theo Chương IV Quy định này thực hiện theo thời điểm phát sinh nghĩa vụ quy định tại Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND đối với công trình, phần công trình được nghiệm thu, đưa vào khai thác, sử dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027;

c) Trong thời gian chưa đáp ứng điều kiện thực hiện trực tuyến, hồ sơ được tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông bằng hồ sơ giấy kết hợp văn bản điện tử công vụ. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết không được từ chối tiếp nhận hồ sơ vì chưa có cơ sở dữ liệu hoặc phần mềm chuyên ngành.

3. Chuẩn bị triển khai Quy định này:

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính, biểu mẫu, địa điểm tiếp nhận và trình phê duyệt quy trình nội bộ thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; bảo đảm tiếp nhận, giải quyết thủ tục từ thời điểm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng, Thuế Thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công hoàn thành việc phân công đơn vị, bố trí nhân sự, xác định đầu mối phối hợp và phương thức luân chuyển hồ sơ trước ngày 15 tháng 12 năm 2026; bảo đảm triển khai xác định, thông báo và nộp tiền sử dụng không gian ngầm từ ngày 01 tháng 01 năm 2027;

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục dữ liệu, cấu trúc, định dạng, yêu cầu kỹ thuật tối thiểu về dữ liệu không gian ba chiều và quy chế cập nhật, chia sẻ, khai thác dữ liệu trước ngày 15 tháng 12 năm 2026. Việc áp dụng các nội dung này không phụ thuộc vào tiến độ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm;

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế Thành phố và Kho bạc Nhà nước hoàn thành việc xác định thông tin hạch toán khoản thu theo khoản 4 Điều 18 Quy định này trước ngày 15 tháng 12 năm 2026. Thuế Thành phố hoàn thành việc thông báo đơn vị thực hiện và đầu mối phối hợp theo Điều 19 Quy định này trong cùng thời hạn.

4. Lập và triển khai danh mục quản lý công trình ngầm:

a) Sở Xây dựng hoàn thành mẫu danh mục quản lý công trình ngầm thống nhất sau khi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước ngày 15 tháng 12 năm 2026;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập danh mục theo ngành, lĩnh vực được giao quản lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định ban hành theo khoản 5 Điều 6 Quy

định này. Các cơ quan ưu tiên hoàn thành danh mục công trình cần giải quyết thủ tục kết nối hoặc xác định tiền sử dụng không gian ngầm trước ngày 01 tháng 01 năm 2027; hoàn thành danh mục thuộc phạm vi quản lý trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực;

c) Cơ quan cấp giấy phép xây dựng, cơ quan thẩm định, phê duyệt dự án, cơ quan tiếp nhận hồ sơ nghiệm thu, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan có liên quan cung cấp hồ sơ, dữ liệu hiện có để lập danh mục. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý khu chức năng đối chiếu với hiện trạng quản lý, cung cấp thông tin thay đổi và phản ánh sai lệch để cơ quan lập danh mục kiểm tra, chỉnh sửa;

d) Danh mục ban đầu được lập từ hồ sơ, dữ liệu hiện có và thông tin hiện trạng đã được kiểm tra; không chờ hoàn thành phần mềm hoặc số hóa toàn bộ dữ liệu. Việc cập nhật, rà soát hằng năm, tổng hợp và khai thác danh mục thực hiện theo Điều 6 và Điều 11 Quy định này. Các cơ quan công khai thông tin được phép tiếp cận thuộc phạm vi quản lý; Sở Xây dựng tổng hợp để công khai trên Cổng thông tin điện tử Thành phố;

đ) Trường hợp thay đổi nội dung phân cấp quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh danh mục. Trong thời gian chưa hoàn thành danh mục, cơ quan đang thực hiện quản lý nhà nước tiếp tục thực hiện nhiệm vụ. Đối với công trình mới phát sinh, cơ quan chủ trì quản lý nhà nước được xác định theo Điều 6 Quy định này để giải quyết công việc và cập nhật danh mục.

5. Bàn giao khi thay đổi cơ quan quản lý:

a) Khi thay đổi cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm, cơ quan bàn giao và cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm bàn giao, tiếp nhận hồ sơ, dữ liệu, hồ sơ theo dõi và công việc đang giải quyết; lập biên bản xác định rõ nội dung, trách nhiệm và thời điểm tiếp nhận, bảo đảm việc quản lý, giải quyết thủ tục không bị gián đoạn;

b) Việc bàn giao công trình, tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Các bên kiểm tra hồ sơ pháp lý, hiện trạng, phạm vi bàn giao, quy trình vận hành, bảo trì, dữ liệu, nhu cầu kinh phí, nguồn bảo đảm và trách nhiệm xử lý sự cố; lập biên bản bàn giao;

c) Cơ quan bàn giao tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đến thời điểm cơ quan tiếp nhận chính thức tiếp nhận theo biên bản bàn giao. Việc bàn giao không làm thay đổi nghĩa vụ của chủ đầu tư, nhà thầu, chủ sở hữu và đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm theo pháp luật và hợp đồng.

6. Lộ trình xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và bản đồ số dùng chung về không gian ngầm:

a) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan hoàn thành phương án tổng thể xây dựng hệ thống, phần mềm

quản lý và kết nối dữ liệu; trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt nhiệm vụ, lộ trình và nguồn kinh phí triển khai;

b) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ hoàn thành, đưa vào khai thác giai đoạn đầu của hệ thống theo phương án được phê duyệt; ưu tiên tích hợp dữ liệu công trình, danh mục quản lý, thông tin liên kết với hồ sơ xác định tiền sử dụng không gian ngầm và các chức năng phục vụ quản lý, giải quyết thủ tục hành chính;

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố tạo lập, chuẩn hóa và cung cấp dữ liệu chuyên ngành; cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước đối với công trình ngầm tạo lập, chuẩn hóa và cung cấp dữ liệu công trình thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tiến độ tích hợp vào hệ thống theo phương án được phê duyệt.

7. Lộ trình rà soát, chuẩn hóa, số hóa và bổ sung dữ liệu:

a) Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực, các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoàn thành việc rà soát, chuẩn hóa, số hóa và cập nhật hồ sơ, dữ liệu hiện có thuộc phạm vi trách nhiệm theo Điều 11 Quy định này;

b) Việc thực hiện ưu tiên công trình có nguy cơ mất an toàn, công trình liên địa bàn, hạ tầng dùng chung và công trình thuộc đối tượng nộp tiền sử dụng không gian ngầm; không khảo sát, số hóa lại dữ liệu đã đáp ứng yêu cầu;

c) Việc khảo sát, đo đạc bổ sung thực hiện theo nhiệm vụ, dự toán và lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Triển khai dịch vụ công trực tuyến:

a) Khi hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, ký số, liên thông dữ liệu và trả kết quả, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tham mưu triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần đối với từng thủ tục thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Trong thời gian chưa triển khai trực tuyến, việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tiếp tục thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều này.

9. Giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị giải quyết khó khăn, vướng mắc thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền; gửi nội dung vượt thẩm quyền và đề xuất giải pháp đến Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý./.

Phụ lục I

BIỂU MẪU THỰC HIỆN THỦ TỤC CHẤP THUẬN KẾT NỐI CÔNG TRÌNH NGẦM

Mẫu số	Tên biểu mẫu
I.01	Văn bản đề nghị chấp thuận kết nối
I.02	Văn bản chấp thuận kết nối

Mẫu số I.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KẾT NỐI

Kính gửi: …… (cơ quan được giao quản lý nhà nước đối với công trình tiếp nhận kết nối).

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Nội dung	Thông tin
Tên tổ chức, cá nhân	.....
Mã số doanh nghiệp/Số định danh	.....
Địa chỉ	.....
Người đại diện	.....
Điện thoại, thư điện tử	.....

II. THÔNG TIN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT KẾT NỐI

Nội dung	Thông tin
Tên dự án, công trình	.....
Địa điểm	.....
Văn bản xác định chủ thể và căn cứ đề xuất kết nối	Loại văn bản: ……; số: ……; ngày: ……; cơ quan ban hành: ……; mã hồ sơ điện tử (nếu có): ……
Công trình tiếp nhận kết nối	.....
Vị trí điểm kết nối dự kiến	.....
Mục đích, công năng và quy mô kết nối	.....
Thời gian dự kiến thực hiện	Từ ...../...../..... đến ...../...../.....
Giải pháp kỹ thuật sơ bộ và phương án vận hành phần kết nối	Theo thuyết minh kèm theo: ……
Giải pháp an toàn kết cấu, phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ, chống ngập và duy trì hoạt động công trình tiếp nhận kết nối	Theo thuyết minh kèm theo: ……
Chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình tiếp nhận kết nối; đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành	Tên chủ sở hữu/đơn vị được giao quản lý: …… Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành: …… Địa chỉ, thông tin liên hệ: ……
Cơ quan được giao quản lý nhà nước đối với công trình tiếp nhận kết nối	……
Văn bản thỏa thuận kết nối	Số: ……; ngày: …… Các bên thỏa thuận: ……

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Đề nghị xem xét chấp thuận kết nối dự án, công trình nêu trên với công trình tiếp nhận kết nối theo hồ sơ và văn bản thỏa thuận kèm theo. Người đề nghị cam kết thực hiện đúng nội dung được chấp thuận, yêu cầu kỹ thuật, an toàn, vận hành

và các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật. Phương thức nhận kết quả: □ Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; □ Qua dịch vụ bưu chính (địa chỉ: ……); □ Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia khi thủ tục được cung cấp trực tuyến.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Văn bản xác định chủ thể và căn cứ đề xuất kết nối theo điểm b khoản 5 Điều 8 (bản sao hoặc mã hồ sơ điện tử; không phải nộp lại nếu cơ quan giải quyết khai thác được): ……

2. Sơ đồ thể hiện vị trí các công trình và điểm kết nối dự kiến và thuyết minh theo điểm c khoản 5 Điều 8: ……

3. Văn bản thỏa thuận kết nối theo điểm d khoản 5 Điều 8: số ……, ngày ……, các bên thỏa thuận …….

Thông tin phục vụ khai thác, tái sử dụng hồ sơ, dữ liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã có (mã hồ sơ, số văn bản, cơ quan ban hành hoặc quản lý, nếu có): …… Người đề nghị không phải nộp ý kiến của chủ sở hữu, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình tiếp nhận kết nối hoặc các cơ quan có liên quan do cơ quan giải quyết lấy trong quá trình xử lý hồ sơ.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Mẫu số I.02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN CHẤP THUẬN KẾT NỐI

TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH: ……
(Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý khu chức năng theo khoản 4 Điều 8)
Số: ……/……
……, ngày … tháng … năm …
Căn cứ Quyết định số …/2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
Căn cứ hồ sơ đề nghị chấp thuận kết nối của …… và văn bản thỏa thuận kết nối số …… ngày …… giữa ……;
Căn cứ ý kiến của chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình tiếp nhận kết nối, đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình, cơ quan chuyên môn về quy hoạch và các cơ quan có liên quan;
..... chấp thuận kết nối với các nội dung sau:

Nội dung	Nội dung chấp thuận
Dự án, công trình đề nghị kết nối	.....
Công trình tiếp nhận kết nối; cơ quan được giao quản lý nhà nước; đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình	.....
Vị trí, ranh giới trên mặt bằng, cao độ, độ sâu điểm kết nối	.....
Mục đích, công năng, quy mô, năng lực kết nối	.....
Yêu cầu kỹ thuật và an toàn	.....
Yêu cầu vận hành, bảo trì; trách nhiệm bảo đảm an toàn, xử lý sự cố trong quá trình thi công, khai thác, sử dụng; khôi phục hiện trạng	.....
Trách nhiệm của các bên và trách nhiệm phối hợp	.....
Thời hạn thực hiện	.....
Chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý các công trình kết nối; văn bản thỏa thuận kết nối	Bên đề xuất kết nối: …… Bên tiếp nhận kết nối: …… Văn bản thỏa thuận số …… ngày ……

Các bên thực hiện kết nối theo nội dung được chấp thuận và hoàn thiện hồ sơ thiết kế, thủ tục đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công và thủ tục chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận	NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN KẾT NỐI
- Người đề nghị; - Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình ngầm; - Cơ quan có liên quan; - Lưu: ...	(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) .....

Phụ lục II

BIỂU MẪU THỰC HIỆN THỦ TỤC XÁC ĐỊNH, THÔNG BÁO VÀ RÀ SOÁT TIỀN SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM

Mẫu số	Tên biểu mẫu
II.01	Tờ khai xác định tiền sử dụng không gian ngầm
II.02	Phiếu yêu cầu cung cấp, xác nhận thông tin
II.03	Kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm, đồng thời là phiếu chuyển thông tin
II.04	Thông báo nộp tiền sử dụng không gian ngầm
II.05	Đề nghị rà soát, điều chỉnh kết quả xác định tiền sử dụng không gian ngầm và thông báo nộp tiền
II.06	Kết quả rà soát, điều chỉnh tiền sử dụng không gian ngầm

Mẫu số II.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI XÁC ĐỊNH TIỀN SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM

Kính gửi: …… (cơ quan được giao quản lý nhà nước đối với công trình ngầm).

I. THÔNG TIN NGƯỜI PHẢI NỘP TIỀN

Nội dung	Thông tin kê khai
Tên tổ chức, cá nhân	.....
Mã số thuế/Số định danh	.....
Địa chỉ trụ sở hoặc địa chỉ liên hệ	.....
Điện thoại, thư điện tử	.....
Người đại diện/người được ủy quyền	.....
Phương thức nhận kết quả	□ Trực tiếp tại Trung tâm □ Bưu chính □ Trực tuyến Địa chỉ nhận kết quả: ……

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM

Nội dung	Thông tin kê khai
Tên công trình, mã công trình (nếu có) và cơ quan quản lý nhà nước	Tên công trình: ……; mã công trình (nếu có): …… Cơ quan được giao quản lý nhà nước: ……
Địa điểm công trình	.....
Thửa đất, tờ bản đồ	.....
Văn bản về quyền sử dụng đất/quyền khai thác	Số: ..... ngày ...../...../..... Cơ quan ban hành: .....
Văn bản về đầu tư, xây dựng	Số: ..... ngày ...../...../..... Cơ quan ban hành: .....
Ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng	...../...../.....
Ngày khai thác thực tế; phương thức và thời hạn nộp	Bắt đầu khai thác: …/…/…; thời hạn hoạt động đến: …/…/… □ Hằng năm □ Một lần; thời gian đã hoàn thành nghĩa vụ: ……
Loại công trình	□ Công trình ngầm độc lập □ Phần ngầm của công trình trên mặt đất
Trường hợp thực hiện	□ Lần đầu □ Thay đổi căn cứ tính tiền Ngày phát sinh thay đổi và nội dung thay đổi: ……

III. DIỆN TÍCH, CÔNG NĂNG VÀ KHOẢNG ĐỘ SÂU

STT	Công năng	Khoảng độ sâu	Diện tích sàn (m^2)	Miễn/giảm	Ghi chú
1					
2					
3					
4					

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Tài liệu xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, quản lý hoặc khai thác công trình ngầm theo điểm b khoản 3 Điều 14: ……

2. Văn bản về đầu tư, xây dựng và hồ sơ thiết kế, bản vẽ theo điểm c khoản 3 Điều 14: ……

3. Biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn công hoặc tài liệu xác định thời điểm bắt đầu khai thác, sử dụng thực tế theo điểm d khoản 3 Điều 14: ……

4. Tài liệu chứng minh điều kiện miễn, giảm theo điểm đ khoản 3 Điều 14 (nếu chưa được thể hiện trong các tài liệu đã cung cấp): ……

5. Văn bản ủy quyền theo điểm e khoản 3 Điều 14 (nếu có): ……

Thông tin phục vụ khai thác, tái sử dụng hồ sơ, dữ liệu đã có (số, ký hiệu văn bản, mã hồ sơ điện tử, cơ quan ban hành hoặc quản lý): …… Người nộp hồ sơ không phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã được cơ quan giải quyết khai thác theo khoản 3 Điều 14 Quy định này.

Tôi/chúng tôi cam kết thông tin kê khai và tài liệu kèm theo là đầy đủ, chính xác; chịu trách nhiệm trước pháp luật và thực hiện nghĩa vụ nộp tiền theo thông báo của Thuế Thành phố.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Mẫu số II.02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP, XÁC NHẬN THÔNG TIN

Cơ quan yêu cầu: .....

Cơ quan được yêu cầu: .....

Mã hồ sơ: ..... Ngày tiếp nhận: ...../...../.....

Đề nghị cung cấp, xác nhận các thông tin sau:

STT	Nhóm thông tin	Nội dung đề nghị	Kết quả cung cấp, xác nhận
1	Đất đai	Người sử dụng đất; thửa đất; mục đích sử dụng đất	
2	Đơn giá	Đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm có hiệu lực tại thời điểm xác định tiền; văn bản làm căn cứ	
3	Công trình	Ranh giới; diện tích; công năng; khoảng độ sâu	
4	Thời điểm	Nghiệm thu; bắt đầu khai thác thực tế; phương thức nộp; thời hạn khai thác và thời gian đã hoàn thành nghĩa vụ	
5	Miễn, giảm	Căn cứ và phạm vi diện tích được miễn, giảm	
6	Thông tin khác	....	

Thời hạn trả lời: trước ngày ...../...../.....

CƠ QUAN YÊU CẦU	CƠ QUAN CUNG CẤP, XÁC NHẬN THÔNG TIN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) .....

Mẫu số II.03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH TIỀN SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM

Cơ quan xác định tiền sử dụng không gian ngầm (cơ quan được giao quản lý nhà nước đối với công trình ngầm): ……

Đồng thời là phiếu chuyển thông tin đến Thuế Thành phố; số: ……; ngày: ……. Loại kết quả: □ Lần đầu □ Kỳ tiếp theo □ Thay đổi căn cứ □ Điều chỉnh sau rà soát.

Mã hồ sơ: ……; mã công trình: ……; kỳ tính tiền/thời hạn tính tiền một lần: …….

1. Người phải nộp tiền: .....

2. Mã số thuế/Số định danh: .....

3. Địa điểm công trình: .....

Địa chỉ trụ sở hoặc địa chỉ liên hệ của người phải nộp tiền: ……

4. Căn cứ xác định tiền: Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND; Quyết định số …/2026/QĐ-UBND và hồ sơ kèm theo.

Phương thức nộp: □ Hằng năm □ Một lần; kỳ hoặc thời hạn tính tiền: từ …… đến ……

Trường hợp miễn, giảm; căn cứ áp dụng, diện tích và số tiền được miễn, giảm: ……

Thời hạn nộp tiền: thực hiện theo Thông báo nộp tiền của Thuế Thành phố.

5. Công thức: $T = \Sigma (S_i \times G_i \times H_i \times M_i \times t_i)$. Các thông số và cách tính thực hiện theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có hiệu lực tại thời điểm xác định tiền.

STT	Công năng, khoảng độ sâu	S_i (m^2)	G_i (đồng/m^2/năm)	H_i	M_i	t_i (năm)	Thành tiền (đồng)
1							
2							
3							
4							

Tổng số tiền phải nộp: ..... đồng.

Bằng chữ: .....

Tài liệu làm căn cứ xác định tiền kèm theo: ……. Trường hợp được miễn toàn bộ: ghi rõ căn cứ, phạm vi miễn và số tiền phải nộp bằng không.

……, ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN XÁC ĐỊNH TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số II.04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM

THUẾ THÀNH PHỐ

Đơn vị được phân công ban hành: ……

Số: ...../TB-.....

Căn cứ Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND; Quyết định số …/2026/QĐ-UBND; Kết quả xác định tiền số … ngày … của … và Kết quả rà soát số … ngày … (nếu có);

Thuế Thành phố thông báo các nội dung sau:

Nội dung	Thông tin
Loại thông báo	□ Lần đầu □ Kỳ tiếp theo □ Điều chỉnh Số, ngày thông báo được điều chỉnh (nếu có): ……
Người phải nộp tiền	.....
Mã số thuế/Số định danh	.....
Địa điểm công trình	.....
Địa chỉ người phải nộp tiền	Trụ sở hoặc địa chỉ liên hệ: ……
Phương thức nộp; kỳ/thời hạn tính tiền	□ Hằng năm □ Một lần Từ ...../...../..... đến ...../...../.....
Số tiền phải nộp	..... đồng
Bằng chữ	.....
Thời hạn nộp	Chậm nhất ngày …/…/…; thời hạn nộp tiền được xác định theo pháp luật về quản lý thuế.
Thông tin nộp ngân sách nhà nước	Tên người nộp tiền: ……; mã số thuế/số định danh: …… Kho bạc Nhà nước/đơn vị thu: …… Tài khoản thu ngân sách nhà nước: …… Cơ quan quản lý thu (tên, mã): …… Chương (tên, mã): …… Nội dung kinh tế (tên, tiểu mục): ……
Nơi tiếp nhận đề nghị rà soát	Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; cơ quan chủ trì rà soát: ……

Quá thời hạn nộp tiền, việc xử lý chậm nộp thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.

Nơi nhận	THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
- Người phải nộp tiền; - Cơ quan xác định tiền; - Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ; - Lưu: …	(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) .....

Mẫu số II.05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH TIỀN SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM VÀ THÔNG BÁO NỘP TIỀN

Kính gửi: …… (cơ quan được giao quản lý nhà nước đối với công trình ngầm).

1. Người đề nghị: .....

2. Mã số thuế/Số định danh: .....

3. Địa chỉ, điện thoại, thư điện tử: .....

4. Mã hồ sơ: .....

5. Kết quả xác định tiền/Thông báo nộp tiền đề nghị rà soát:

Số: ..... ngày ...../...../..... của .....

6. Nội dung đề nghị rà soát, điều chỉnh:

STT	Nội dung đã xác định, thông báo	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Lý do, căn cứ
1			
2			
3			

7. Tài liệu, mã hồ sơ điện tử chứng minh nội dung đề nghị: ……

8. Phương thức nhận kết quả: □ Trực tiếp □ Bưu chính □ Trực tuyến. Địa chỉ nhận kết quả: ……

Tôi/chúng tôi cam kết nội dung đề nghị và tài liệu cung cấp là chính xác, chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Mẫu số II.06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH TIỀN SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM

Cơ quan chủ trì rà soát (cơ quan được giao quản lý nhà nước đối với công trình ngầm): ……; số: ……; ngày: …/…/…

Mã hồ sơ: ……; người đề nghị: ……

Mã số thuế/số định danh: ……; địa chỉ: ……

Căn cứ Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND; Quyết định số …/2026/QĐ-UBND; đề nghị số … ngày … và hồ sơ, ý kiến phối hợp có liên quan.

1. Kết quả xác định tiền/Thông báo nộp tiền được rà soát: số … ngày … của …

2. Nội dung đề nghị rà soát: ……

3. Kết quả kiểm tra, căn cứ và nội dung giải quyết: ……

4. Kết luận: □ Giữ nguyên □ Điều chỉnh □ Miễn toàn bộ.

Nội dung giữ nguyên hoặc điều chỉnh; lý do và căn cứ: ……

Số tiền trước rà soát: …… đồng; sau rà soát: …… đồng; chênh lệch: …… đồng.

Trường hợp phải điều chỉnh thông báo: gửi Thuế Thành phố kèm Mẫu số II.03 đã ban hành hoặc điều chỉnh, phù hợp với kết quả rà soát. Trường hợp không điều chỉnh thông báo hoặc được miễn toàn bộ và chưa có thông báo: chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ để trả kết quả.

5. Tài liệu kèm theo: ……

Nơi nhận: người đề nghị; Thuế Thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ; lưu: …

……, ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ RÀ SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)